

Name: _____

Mr. Minh ~ Chu Văn An High School ~ An Giang

Class: _____

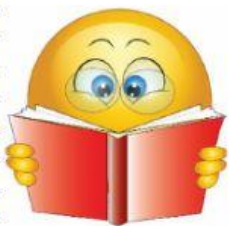
Unit 1

LIFE STORIES

READING

VOCABULARY

Tìm 3 từ trong số các từ bên dưới **KHÔNG** xuất hiện trong 2 đoạn văn ở trang 11.



humble, diagnose, meaningful, annual, manage, fortunate, generosity, brilliant, spread, charity, restaurant, organize, inspire, starve, initiate, reveal, anonymous, mission, likely, jobless, claim, support, amputate, patient, cancer, identity, needy, relieve, capable

Đó là các từ: _____, _____, _____



Tìm nghĩa và từ loại các từ còn lại (trong văn cảnh!):

Từ

Từ loại (adj, n, v)

Nghĩa

1. _____ (_____) : _____
2. _____ (_____) : _____
3. _____ (_____) : _____
4. _____ (_____) : _____

5. _____ (_____) : _____

6. _____ (_____) : _____

7. _____ (_____) : _____

8. _____ (_____) : _____

9. _____ (_____) : _____

10. _____ (_____) : _____

11. _____ (_____) : _____

12. _____ (_____) : _____

13. _____ (_____) : _____

14. _____ (_____) : _____

15. _____ (_____) : _____

16. _____ (_____) : _____

17. _____ (_____) : _____

18. _____ (_____) : _____

19. _____ (_____) : _____

20. _____ (_____) : _____

21. _____ (_____) : _____

22. _____ (_____) : _____

23. _____ (_____) : _____

24. _____ (_____) : _____

25. _____ (_____) : _____

26. _____ (_____) : _____